

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 04/08/2021

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Tập 66

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Kinh tu-du gian, hoàn kỳ bốn quốc, đô tất tập hội thất bảo giảng đường, Vô Lượng Thọ Phật, tác vị quảng tuyên đại giáo, diễn sướng diệu pháp, mạc bất hoan hỷ, tâm giải đắc đạo.

Trong khoảnh khắc, trở về bốn quốc, đều cùng tụ họp tại giảng đường thất bảo, nghe Phật Vô Lượng Thọ rộng tuyên đại giáo, diễn nói diệu pháp, thấy đều vui mừng, tâm tự khai giải, ngộ được thánh đạo.

Đoạn kinh văn này biểu thị các Bồ-tát du hành mười phương rồi trở về Cực Lạc. Kinh văn nhìn trên văn tự thì rất đơn giản, nhưng nghĩa lý sâu xa vô lượng vô biên.

“Trong khoảnh khắc, trở về bốn quốc”

“Khoảnh khắc” là hình dung thời gian rất ngắn. Kinh A-di-đà nói: “Đến giờ ăn liền trở về bốn quốc”. Hoàng Niệm lão giải thích “khoảnh khắc” là 48 phút. Các Bồ-tát đã chu du khắp vô lượng vô biên thế giới chư Phật, trên cúng dường chư Phật, dưới độ chúng sanh, đi một vòng rồi trở về như vậy mới chỉ có 48 phút, nhanh gấp bao nhiêu lần tốc độ ánh sáng. Mọi người tụ hội tại giảng đường do bảy báu hợp thành ở thế giới Cực Lạc, nghe A-di-đà Phật tuyên thuyết diệu pháp giáo lý Đại thừa. Bồ-tát nghe pháp xong đều rất vui mừng, tâm tự khai giải, ngộ được thánh đạo.

Học đoạn kinh văn này tôi có vài vấn đề liên quan cần chia sẻ với các đồng tu, xin cúng dường các đồng tu tham khảo.

Vấn đề thứ nhất, cư sĩ Bành Tế Thanh của triều Thanh trong Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận nói:

Hỏi: Phật Vô Lượng Thọ thuyết pháp là chỉ nói pháp Nhất thừa, hay là nói cả pháp Tam thừa? Nếu chỉ nói pháp Nhất thừa thì sao còn có chúng Thanh văn v.v. Nếu nói cả pháp Tam thừa thì sao lại nói hàng Nhị thừa không sanh về nước đó?

Đáp: Thuần là nói pháp Nhất thừa, chẳng có Tam thừa. Nào chi riêng ở giảng đường thất bảo Phật thuần là nói pháp Nhất thừa, mà trong mỗi một đóa hoa, trong mỗi một tia sáng, tiếng gió, tiếng nước, các tiếng âm nhạc cũng đều nói pháp Nhất thừa, càng chẳng có pháp Tam thừa”.

Như kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: “Trong mười phương thế giới còn không có Nhị thừa, huống hồ có Tam thừa”. Ý nghĩa ở đây là nói: Thế giới Cực Lạc, rốt cuộc là nói pháp Nhất thừa hay là pháp Tam thừa? Nếu như nói pháp Nhất thừa, thì sao thế giới Cực Lạc còn có chúng Thanh văn? Nếu thế giới Cực Lạc cũng nói pháp Tam thừa thì vì sao hàng Nhị thừa không thể vãng sanh? Ngài hỏi như vậy, và trả lời như sau: Tất cả pháp được nói ở thế giới Cực Lạc toàn là pháp Nhất thừa. Chẳng những pháp được Phật nói tại giảng đường thất bảo là pháp Nhất thừa, mà cho đến mỗi một đóa hoa của thế giới Cực Lạc, mỗi một tia sáng, tiếng gió, tiếng nước, các tiếng âm nhạc nói ra đều là pháp Nhất thừa. Vì vậy kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: “Trong mười phương thế giới còn không có Nhị thừa, huống hồ có Tam thừa”. Vì vậy khi Phật nói kinh Pháp Hoa thì 5.000 đệ tử lui khỏi tòa, không thể nghe, không tiếp nhận nổi. Vì đây là Viên giáo, chẳng phải ai cũng đều có thể nghe. Năm ngàn người lui khỏi tòa thì rất hỗn loạn, Phật nói: “Lui cũng tốt”, lui ra rất tốt, vậy cứ lui ra đi, không giữ họ lại.

Nếu dùng một câu để trả lời vấn đề thứ nhất thì đáp án là: Hết thầy pháp được nói ở thế giới Cực Lạc đều là pháp Nhất thừa.

Vấn đề thứ hai, vì sao thế giới Cực Lạc có Thanh văn thừa?

Bởi vì căn cơ trí tuệ của chúng sanh có khác biệt, trước khi vãng sanh, pháp mà họ đã nghe không như nhau, nên đến thế giới Cực Lạc chứng đắc cũng không như nhau. Tuy đều nói là pháp Nhất thừa, nhưng có người nghe ra tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng vô ngã, tiếng tịch tĩnh, cho đến tiếng cam lộ quán

đánh. Người nghe được những âm thanh này có người chứng được Tu-đà-hoàn, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả, cho đến Bồ-tát Bất thoái. Đây là thuận theo danh xưng Tứ quả của các cõi Phật khác mà biểu thị cho phương diện tu hành nào đó của họ lúc chưa vãng sanh đã chín muồi trước. Trên thực tế đều là nhất định thành Phật, vì họ đều có thể hồi tiểu hướng đại, lại do có sức bền nguyện của Phật. Cho nên pháp mà Phật giảng ở giảng đường đều là pháp Nhất thừa, trong kinh không nói rõ, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói rõ về điều này.

Vấn đề thứ ba, đoạn kinh văn này đã chứng minh trọn vẹn rằng các Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc có phước báo lớn. Điều này thể hiện ở mỗi ngày đều cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Chú ý hai từ “mỗi ngày” và “chư Phật” này rất quan trọng. Mỗi ngày nghĩa là ngày nào cũng vậy, thường xuyên như vậy, chẳng phải thỉnh thoảng, ngày ngày đều như vậy. Đây là đời sống thường ngày của các Bồ-tát. Chư Phật là vô lượng vô biên Phật, chẳng phải một hai vị, mà là rất nhiều rất nhiều, số không kể xiết. Chúng ta ở thế giới Ta-bà, cả đời cũng không cúng dường được một vị Phật, không thể nào sánh bằng thế giới Cực Lạc. Các Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc, mỗi ngày đều nghe vô lượng vô biên Phật pháp, bởi vì mỗi một vị Phật mà bạn cúng dường đều thuyết pháp cho bạn. Mỗi ngày cúng dường vô lượng vô biên Phật, nghe vô lượng vô biên Pháp, đây là phước huệ song tu.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Tức thời hương phong xuy thất bảo thọ, xuất ngũ âm thanh. Vô lượng diệu hoa, tùy phong tứ tán, tự nhiên cúng dường, như thị bất tuyệt.

Lúc đó gió thơm thổi vào cây bảy báu, phát ra năm loại âm thanh. Vô lượng diệu hoa theo gió rải khắp bốn phương, tự nhiên cúng dường, như vậy chẳng ngừng.

Đoạn kinh văn này là nói chúng sanh vô tình cảm ân Tam bảo. Gió thổi vào cây, cây bèn phát ra các loại thanh âm vi diệu, vô lượng diệu hoa theo gió rải khắp bốn phương, vờn bay ở trên trời, tự nhiên cúng dường, tự nhiên rải ở giảng đường thất bảo và trên thân của đại chúng, như vậy chẳng ngừng, cứ như vậy chẳng gián đoạn.

Chúng sanh vô tình nghe được A-di-đà Phật thuyết pháp cũng cảm động, cũng đến cúng dường. Những âm nhạc mà chúng vô tình ấy diễn tấu là thanh âm diệu

pháp, diễn tấu pháp âm, chẳng phải âm nhạc của phàm phu, nhằm dạy chúng ta niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Vạn vật ở nước ấy thấy đều dùng hương thơm và ánh sáng để thuyết pháp, thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, loại cúng dường pháp này tiếp nối chẳng gián đoạn.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Nhất thiết chư thiên giai tê bá thiên hoa hương, vạn chủng kỹ nhạc, cúng dường bỉ Phật cập chư Bồ-tát, Thanh văn chi chúng. Tiền hậu vãng lai, hy di khoái lạc. Thử giai Vô Lượng Thọ Phật bốn nguyện gia uy, cập tăng cúng dường Như Lai, thiện căn tương tục, vô khuyết giảm cố, thiện tu tập cố, thiện nhiếp thủ cố, thiện thành tựu cố.

Hết thấy chư thiên đều đem trăm ngàn hoa hương, vạn thứ kỹ nhạc, cúng dường đức Phật ấy và các Bồ-tát, chúng Thanh văn. Trước sau qua lại, hơn hởi vui mừng. Đây đều là do sức uy thần bốn nguyện của Phật Vô Lượng Thọ gia trì, và do tình cúng dường các đức Như Lai, lại do thiện căn liên tục không giảm thiểu, cũng bởi khéo tu tập, khéo nhiếp thủ, khéo thành tựu vậy.

Đoạn kinh văn này là nói về tình hình đời sống thường ngày của đại chúng ở thế giới Cực Lạc. Cuộc sống của họ thật sự là tốt đẹp, thật sự hạnh phúc, thật sự mỹ mãn, thật sự vui vẻ. Hạnh phúc, mỹ mãn, vui vẻ mà người thế gian chúng ta nói đều là hữu danh vô thực, ở thế giới Cực Lạc thì danh xứng với thực.

Chư thiên là thiên thần, họ cũng có năng lực đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc. Các đồng tu sẽ hỏi: thiên thần là chúng sanh lục đạo vì sao cũng có thể ở thế giới Cực Lạc? Trong kinh Hoa Nghiêm có ví dụ như sau, những thiên thần này chẳng phải là thiên thần thông thường, mà đây là các Bồ-tát của thế giới Cực Lạc, dùng thân phận thiên thần để giáo hóa chúng sanh ở thế giới phương khác, hiện tại quay về cúng dường Phật. Các Bồ-tát của thế giới Cực Lạc hóa hiện vô lượng vô biên thân trong mười pháp giới. Cho nên sau khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì trí tuệ, đạo lực và thần thông cùng với chư Phật Như Lai tựa hồ như nhau, đây là pháp khó tin, không thể nghĩ bàn.

Nói chung Bồ-tát thông thường muốn đạt được tự tại như thế, có thể ở trong lục đạo tự tại xả thân thọ thân, giáo hóa chúng sanh, ít nhất phải tu đến hai a-tăng-

kỳ kiếp, cũng chính là nói, quả vị thông thường phải đạt đến Bồ-tát Thất địa thì mới thật sự được tự tại. Những người đến thế giới Tây Phương Cực Lạc như chúng ta, vãng sanh đến Cực Lạc bèn có năng lực này, những Bồ-tát đó nhìn thấy vậy thì sao không hâm mộ chúng ta được. Cho nên trời rông, quý thần do những Bồ-tát này hóa hiện ra cũng đến giảng đường rải hoa cúng dường.

Đoạn kinh văn này là phần cuối của phẩm kinh văn Ca Thán Phật Đức, cũng là đoạn cao trào vui sướng ca ngợi ân đức của Phật, khiến chúng ta có cảm giác như chính mình ở trong cảnh đó. Tựa như nhìn thấy hết thảy chư thiên đều ở trên không rải hoa, diễn tấu âm nhạc mỹ diệu, vui tai, dễ nghe để cúng dường A-di-đà Phật, cúng dường chư Phật và các Bồ-tát, chúng Thanh văn. Vị này đi thì người kia đến, mọi người đều rất vui vẻ. Đây đều là uy thần bản nguyện của Phật Vô Lượng Thọ gia trì, cộng với họ đã từng cúng dường chư Phật Như Lai, lại do rất khéo biết làm cho thiện căn liên tục tăng trưởng, không có duyên cớ bị khuyết giảm. Sự vui mừng hơn hờ như vậy [là do] thiện căn không ngừng tăng trưởng, cho đến đạt được thành tựu.

Tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ 27, để tiện cho các đồng tu học tập và lĩnh ngộ hàm nghĩa của kinh văn, tôi muốn làm một chút thay đổi nhỏ. Từ phẩm kinh văn này trở đi, mỗi khi giảng xong một phẩm kinh văn tôi sẽ quy nạp điểm quan trọng của phẩm kinh văn đó lại, nhằm kịp thời để các đồng tu đối chiếu tham khảo. Chúng ta có thể thử xem sao, xem coi cách làm nào tốt hơn. Chúng ta vừa giảng, vừa tổng kết, vừa cải tiến vậy. Bất kể là hình thức nào tôi cũng không muốn trói buộc mọi người vào trong khuôn khổ. Điều tôi lo lắng nhất là liệu cách làm này của tôi có đóng bít cửa ngõ của các đồng tu hay không, các đồng tu thấy thế nào?

Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 27.

Kinh văn phẩm thứ 27 có 6 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: vì sao các Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc phải tán thán chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới? Vì tri ân báo ân, không quên nguồn gốc, không quên báo ân Thầy. Những Bồ-tát này không quên báo ân Thầy, họ có thể hiểu và biết đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là do mười phương chư Phật Như Lai giới thiệu cho họ. Mười phương chư Phật Như Lai đã đem thế giới thù thắng khôn sánh nhất trong các thế giới, là đại học Phật giáo hàng đầu giới thiệu cho họ, các Bồ-tát sao có thể không cảm ân, không tán thán được? Chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới chẳng những đem thế giới Tây Phương Cực Lạc giới

thiệu cho các học sinh của mình, mà còn đem học sinh ưu tú nhất ở cõi nước Phật của các ngài giới thiệu, đưa đi, cử đến thế giới Tây Phương Cực Lạc học, thân cận A-di-đà Phật. Những Bồ-tát này sao có thể không cảm ân, không tán thán được? Những Bồ-tát này ở dưới tòa của A-di-đà Phật tại thế giới Tây Phương Cực Lạc nghe kinh nghe pháp, lại có thể tự tại đến mười phương thế giới đi cúng dường chư Phật, phước huệ song tu, thành tựu Phật quả chí cao vô thượng, họ sao có thể không cảm ân, không tán thán cho được?

Trọng điểm thứ hai: vĩnh viễn chí thành cảm ân, đánh lễ Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta. Ân đức của Phật đối với chúng ta quá lớn lao, không lời nào có thể biểu đạt, không gì báo đáp nổi. Nếu không có Thích-ca Mâu-ni Phật giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc, giới thiệu A-di-đà Phật cho chúng ta, chúng ta sẽ trầm luân trong biển khổ của sáu cõi luân hồi, vĩnh viễn không có ngày ngoi lên.

Trọng điểm thứ ba: 500 người nhóm A-xà vương tử trong đời quá khứ từng cúng dường bốn trăm ức Phật, vì sao họ chưa thành Phật?

Trọng điểm thứ tư: trong kinh văn dùng hoa làm ví dụ để cúng Phật nhằm biểu pháp gì vậy? Bạn có thể nói được mấy điều thì hãy nêu ra, đây là một đề tài để tư duy, để phát huy.

Trọng điểm thứ năm: giảng một bộ kinh là ca ngợi ân đức của Phật, giảng một câu kệ cũng là ca ngợi ân đức Phật, khuyên người niệm câu A-di-đà Phật cũng là ca ngợi ân đức của Phật. Hình thức để ca ngợi ân đức của Phật rất nhiều, bạn dùng hình thức nào để ca ngợi ân đức của Phật vậy?

Trọng điểm thứ sáu: chư thiên và quỷ thần vì sao có thể ở thế giới Cực Lạc cúng Phật và nghe pháp? Vì sao có thể đến thế giới mười phương cúng dường chư Phật? Có ba nguyên nhân chủ yếu.

Một là, do bốn nguyện oai thân của Phật Vô Lượng Thọ gia trì, chính là được 48 nguyện của A-di-đà Phật gia trì, khiến bạn có được uy đức này, có thể thành tựu công đức cúng dường. Do uy đức của bốn nguyện Di-đà gia bị nên chư thiên mới có thể cung kính đến Cực Lạc tu đại cúng dường. Nguyện thứ 25 - Thiên Nhân Lễ Kính có câu “chư thiên và người đời không ai không hết lòng tôn kính”, đây chính là chứng cứ. Đại chúng trong tất cả cõi nước chư Phật đều được nguyện thứ 25 của A-di-đà Phật gia trì, họ có năng lực đến thế giới Cực Lạc để tu cúng dường.

Thứ hai, họ đã từng cúng dường Như Lai, do thiện căn liên tục không khuyết giảm, ở đây biểu thị chư thiên có thể đến thế giới Cực Lạc đi cúng dường đều là vì trong đời quá khứ sớm đã trồng thiện căn, đã từng cúng dường Như Lai, lại có thể khéo léo khiến cho thiện căn này được tiếp nối. A-lại-da giống như một kho chứa lớn, khởi tâm động niệm từ vô lượng kiếp đến nay đều được lưu trữ trong A-lại-da, gặp được duyên bên khởi hiện hành. Trong một đời này lại gặp được duyên rồi, cho nên nhờ vào việc họ đã từng có quá khứ cúng dường chư Phật Như Lai, nên vừa khởi lên ý niệm này, Phật bên hiện thân, bên tiếp nhận sự cúng dường của họ, đây là nguyên nhân thứ hai.

Nguyên nhân thứ ba là, “do khéo tu tập, do khéo nhiếp thủ, do khéo thành tựu”. Những câu này chúng ta phải lắng lòng lĩnh hội, khéo có nghĩa là gì? Dùng kinh Kim Cang mà nói, khéo chính là vô trụ; tu, nhiếp, thành tựu chính là sanh tâm. Sanh tâm và vô trụ là đồng thời, đây gọi là khéo tu. Ba chữ “khéo” dùng ở đây rất hay, dùng rất tuyệt diệu, A-lại-da đã chuyển tám thức thành bốn trí, cho nên A-lại-da không còn nữa, cho nên gọi là khéo.

“Khéo tu tập”, thế nào là khéo tu tập? Tu là sửa cho đúng, tập là học tập. Trong cuộc sống thường ngày, đem khuyết điểm của chính mình sửa lại cho đúng, đây là tu hành. Đem giáo huấn của Phật hoàn toàn biến thành đời sống thường ngày của chính mình, đời sống chính là Phật pháp. Người niệm Phật đem kinh Vô Lượng Thọ xem thành tư tưởng, hành vi của chính mình, học rồi thường ôn tập. Thường ôn tập là sau khi học xong thì thời thời khắc khắc đều vận dụng vào trong cuộc sống, đây chính là khéo tu tập, luôn luôn đều có thể sửa lỗi làm mới, đây chính là khéo tu tập.

“Khéo nhiếp thủ”, nhiếp thủ ở đây là từ có hai nghĩa. Một nghĩa là khéo nhiếp thủ tất cả thiện pháp nhằm viên mãn trí tuệ đức năng của chính mình, nếu có thể nhiếp thủ công đức của Di-đà thành công đức của chính mình thì chính là tuyệt khéo nhiếp thủ. Ý nghĩa thứ hai, sau khi đạt được thọ dụng chân thật của Phật pháp, lại còn phải đem lợi ích trong Phật pháp giới thiệu cho người khác, khuyên người khác học tập, đây cũng là nhiếp thọ chúng sanh, khuyên tất cả chúng sanh nương vào kinh giáo mà phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, đây chính là khéo nhiếp thủ nhất.

“Khéo thành tựu”, Bồ-tát thành tựu công đức không thể nghĩ bàn cho chính mình, mỗi ngày thành tựu định lực viên mãn, mỗi ngày thành tựu trí tuệ viên mãn, mỗi ngày thành tựu viên mãn ba thân thanh tịnh. Hãy nhìn lại thân tâm của

chúng ta xem có phải mỗi ngày một thanh tịnh hơn, có phải mỗi năm một thanh tịnh hơn, nếu quả nhiên như vậy thì chính là công phu tu hành đã đắc lực. Nếu thân tâm năm nay cũng như năm ngoái, chẳng có cải thiện gì thì đã uổng công tu một năm nay rồi, công phu không đắc lực, phải là mỗi ngày có tiến bộ, mỗi ngày một mới thì mới là khéo thành tựu.

Tiếp theo bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 28:

ĐẠI SĨ THẦN QUANG ĐỆ NHỊ THẬP BÁT

Phẩm kinh văn này nêu rõ thần thông quang minh của bậc Đại sĩ ở Cực Lạc. Trong số các thánh chúng đặc biệt nêu rõ Quán Thế Âm Bồ-tát và Đại Thế Chí Bồ-tát là tôn quý bậc nhất. Uy đức quang minh, công đức lợi sanh đều vượt hơn các thánh chúng khác.

Mời xem kinh văn bên dưới:

Phật cáo A-nan, bĩ Phật quốc trung chư Bồ-tát chúng, tất giai đồng thị, triệt thính bát phương, thượng hạ, khứ lai, hiện tại chi sự. Chư thiên nhân dân, dĩ cập quỳên phi nhuyễn động chi loại, tâm ý thiện ác, khẩu sở dục ngôn, hà thời độ thoát, đắc đạo vãng sanh, giai dự tri chi.

Phật bảo A-nan, các Bồ-tát trong cõi Phật đó đều thấy rõ, nghe thấu mọi việc trong tám phương, phương trên, phương dưới, quá khứ, hiện tại, vị lai. Đều biết trước cả tâm ý thiện ác, miệng sắp nói điều gì, khi nào được độ thoát, đắc đạo vãng sanh của chư thiên nhân dân, cho đến các loài bò bay máy cựa.

“Thấy rõ” là thông đạt, “nghe thấu” là nghe được tất cả, sự việc của tám phương, phương trên phương dưới, quá khứ hiện tại vị lai đều có thể biết. “Chư thiên nhân dân cho đến các loài bò bay máy cựa có tâm ý thiện ác, miệng sắp nói điều gì, khi nào được độ thoát, đắc đạo vãng sanh thấy đều biết cả”, đây chính là thần thông. “Thấy rõ” là thiên nhãn thông, “nghe thấu” là thiên nhĩ thông, biết tâm ý của người khác là tha tâm thông, biết được quá khứ là túc mạng thông, biết chúng sanh trong lục đạo ở hiện tại, vị lai khi nào được độ thoát là thiên nhãn thông. Những Bồ-tát này đều có những thần thông như vậy.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Hựu bỉ Phật sát chư Thanh văn chúng, thân quang nhất tâm, Bồ-tát quang minh, chiếu bá do-tuần. Hữu nhị Bồ-tát, tối tôn đệ nhất, uy thần quang minh, phổ chiếu tam thiên đại thiên thế giới”. A-nan bạch Phật: “Bỉ nhị Bồ-tát, kỳ hiệu vân hà?” Phật ngôn: “Nhất danh Quán Thế Âm, nhất danh Đại Thế Chí”.

Lại cỡi Phật kia, các chúng Thanh văn, thân sáng tâm thược. Quang minh của Bồ-tát chiếu trăm do-tuần. Có hai vị Bồ-tát tôn quý bậc nhất, uy thần quang minh chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. A-nan thưa Phật, hai vị Bồ-tát ấy danh hiệu là gì? Phật nói, một vị tên là Quán Thế Âm, một vị tên là Đại Thế Chí.

Vì sao thế giới Tây Phương Cực Lạc có thiên nhân, có Thanh văn, có Bồ-tát? Trong kinh nói với chúng ta, đây đều là thuận theo chúng sanh mười phương thế giới mà nói, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc trên thực tế không có những danh xưng này. Thế giới Tây Phương là nhất chân pháp giới, là pháp giới bình đẳng, nếu có Bồ-tát, Thanh văn, thiên nhân thì không bình đẳng, thì không phải thanh tịnh bình đẳng giác, cho nên việc này là tùy thuận thế giới phương khác mà nói. Tuy là tùy thuận nhưng cũng là sự thật, nếu lìa khỏi sự thật thì Phật nói vọng ngữ rồi, vậy thì sai rồi. Nói là sự thật là ý gì? Ở đây có hai ý nghĩa.

Thứ nhất, là thân phận trước đây của bạn khi chưa sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, như chúng ta từ cỡi người vãng sanh đến thì được gọi là nhân thiên. A-la-hán, Bích-chi Phật hồi hướng niệm Phật [vãng sanh] thì gọi là Thanh văn, đây là chỉ cho thân phận trước khi vãng sanh. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì những thân phận và danh xưng này đều không có.

Thứ hai, tuy vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là Bồ-tát, trí tuệ, thân thông, đạo lực được uy thần bốn nguyện của đức Di-đà gia trì, mọi người dường như là giống nhau, nhưng trên thực tế là chưa hề đoạn phiền não, là đời nghiệp vãng sanh. Kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não vẫn chưa đoạn, sau khi sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc mới từ từ đoạn. Trong kinh nói: Mỗi ngày đến mười phương thế giới cúng dường chư Phật, nghe Phật thuyết pháp, sau khi trở về, lại nghe A-di-đà Phật giảng kinh thuyết pháp. Mỗi ngày tiêu

nghiệp chương, mỗi ngày sanh trí tuệ, còn phải cần thời gian tương đối dài mới có thể tiêu trừ nghiệp chương, mới có thể viên thành Phật đạo.

Lão pháp sư thường xuyên nhắc nhở chúng ta, tập khí nghiệp chương của chúng ta nặng đến mức không cách gì tưởng tượng được. Tu học pháp môn khác chắc chắn không thể một đời thành tựu. Chẳng phải pháp môn không tốt, mà do tập khí nghiệp chương của chúng ta quá nặng, những pháp môn khác tuy rằng tốt nhưng không trị nổi bệnh của chúng ta. Duy chỉ niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, ngoài môn này ra chẳng còn con đường thứ hai. Môn này bạn buộc phải hiểu thật rõ ràng sáng tỏ, hiểu được lý luận của nó, biết được phương pháp của nó, nhận thức cảnh giới của nó thì công phu niệm Phật của chúng ta mới đắc lực. Nếu hoàn toàn không biết thì đây là tu mù luyện đui, niệm Phật cả một đời cũng không thể vãng sanh.

Tiếp theo chúng ta xem Hoàng Niệm lão giải thích đoạn kinh văn này.

Những chúng Thanh văn này, hào quang trên thân, hào quang trên danh là một tầm, một tầm chính là tám thước. Cũng có người nói độ dài khi hai tay duỗi thẳng ra cũng là một tầm. Thân thể của họ lớn hơn chúng ta, cho nên hai tay của họ duỗi ra thì dài hơn chúng ta nhiều, cũng là một tầm. Quang minh của Bồ-tát chiếu trăm do-tuần, có thể chiếu vài ngàn dặm, có hai vị Bồ-tát tôn quý đệ nhất, uy thần quang minh chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Ngài A-nan hỏi: hai vị Bồ-tát ấy danh hiệu là gì? Phật nói: một vị là Quán Thế Âm, một vị là Đại Thế Chí.

Quán Thế Âm còn có danh hiệu là Quán Tự Tại. Tâm Kinh Lược Sớ nói: “Đối với cảnh giới lý sự vô ngại quán được tự tại” thì gọi là Quán Tự Tại. “Lại quán xét căn cơ để đến cứu độ [một cách] tự tại vô ngại”, chúng sanh vừa niệm liền có thể đến cứu, chẳng mất tự tại thì gọi là Quán Thế Âm. Lời giải thích trước là từ trí tuệ mà nói, bởi vì ngài thông đạt lý này; cách giải thích sau là từ từ bi mà nói. Quán Thế Âm và Đại Thế Chí phò tá hai bên tả hữu đức Di-đà, giúp Phật giáo hóa, gọi là Tây Phương Tam Thánh. Hiền giáo nói ngài là đệ tử của A-di-đà Phật, Mật giáo nói ngài là hóa thân của A-di-đà Phật. Đức Quán Âm nguyên là Chánh Pháp Minh Như Lai. Kinh Đại Bi Tâm Đà-la-ni nói Quán Thế Âm có sức uy thần không thể nghĩ bàn. Trong vô lượng kiếp quá khứ ngài đã thành Phật, hiệu là chánh pháp Minh Như Lai, “[có] nguyện lực đại bi, vì muốn phát khởi tất cả Bồ-tát và khiến các chúng sanh an lạc thành thực nên mới hiện làm Bồ-tát”, thế nên ngài đã thành Phật từ lâu. Kinh

Quán Âm Tam-muội nói: Quán Âm thành Phật trước Thích-ca Mâu-ni Phật, tên là Chánh Pháp Minh Như Lai. Thích-ca Mâu-ni Phật là đệ tử của ngài Quán Âm.

Kinh Thủ Lăng-nghiêm nói: vô lượng kiếp về trước, đức Quán Thế Âm ở trước Cổ Quán Âm Như Lai thọ pháp “như huyễn, văn huân, văn tu kim cang tam-muội, từ văn tư tu nhập tam-ma-địa, xoay lại nghe tự tánh, đặc đạo Vô thượng”. Quán Kinh nói: Viên quang của Quán Âm Đại Sĩ có 500 hóa Phật, hóa Phật đều giống như Thích-ca Mâu-ni Phật. Mỗi một hóa Phật còn có hóa Bồ-tát vây quanh. Phật Bồ-tát nhiều như vậy đều ở trong vòng hào quang trên đỉnh của đức Quán Âm, còn có vô lượng chư thiên làm thị giả. Quán Âm Bồ-tát có duyên đặc biệt với chúng ta. Từ những điều thuật nói bên trên chúng ta có thể thấy vãng sanh thế giới Cực Lạc chẳng phải là đến vườn Địa Đàng để hưởng thụ, mà đó là chân thật dụng công tu trì. Trong số các Bồ-tát có hai vị đứng đầu, đó là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí.

Nhân duyên thành đạo của Quán Thế Âm, kinh Thủ Lăng-nghiêm quy nạp thành bốn câu: “Từ văn tư tu, nhập tam-ma-địa, xoay lại nghe tự tánh, đặc đạo Vô thượng”. Trong quá khứ ngài gặp được Cổ Quán Âm Như Lai truyền dạy cho [pháp môn] như huyễn, văn huân, văn tu kim cang tam-muội. Tam-muội này tu như thế nào? Chính là từ văn tư tu mà nhập tam-ma-địa. Văn, tư, tu là con đường mà người tu hành đều phải đi, nhưng văn tư tu của Quán Âm Bồ-tát còn vào sâu hơn văn tư tu của chúng ta nhiều. Văn tư tu của chúng ta là nghe kinh điển rồi tư duy, sau khi tư duy hiểu rõ rồi thì phải hành động, áp dụng thực tế, ý nghĩa này rất cạn. Có rất nhiều người không tin lời kinh Phật sâu xa, cho rằng lời kinh Phật cạn cợt, cho rằng chính là như vậy. Chữ “văn” trong văn tư tu”, là chỉ cho tánh nghe, thanh âm được nghe thấy là “trần”, năng văn là nhĩ căn, nhĩ thức. Nhĩ căn, nhĩ thức còn có bản tánh, tánh của năng văn được gọi là tánh nghe, trước tiên hạ thủ từ tánh nghe, an trụ nơi tánh nghe, triệt để chẳng gián đoạn, đây gọi là văn tư tu. Từ văn tư tu nhập tam-ma-địa, chẳng phải là tam-muội thông thường, mà là đại tam-muội của Lăng-nghiêm: “hết thấy sự đều rất ráo kiên cố”. Điều này với “hết thấy đều thành Phật” trong kinh này là như nhau. “Hết thấy đều thành Phật” là câu văn đạt tới tột đỉnh trong kinh này. Hết thấy đều thành Phật thì còn có gì chẳng xong, còn có gì có thể tu, còn có gì có thể đoạn, hết thấy đều trở thành lời thừa. Chính bởi vì “hết thấy đều thành Phật”, cho nên kinh Lăng-nghiêm mới nói “hết thấy sự đều rất ráo kiên cố”. Có một số kinh luận nói rằng: hết thấy sự là hư vọng, là pháp sanh diệt. Kinh

Lãng-nghiêm không nói như vậy, mà nói hết thấy sự đều rốt ráo kiên cố, đây là nói về bản thể, hết thấy sự tương đều không thể lia khỏi bản thể của nó. Từ văn tự tu nhập vào Lãng-nghiêm tam-muội, chẳng có xuất, chẳng có nhập, có xuất có nhập là tam-muội thông thường.

Kinh Lãng-nghiêm vừa mở đầu đã nói làm thế nào thấy đạo, bạn không thấy đạo thì làm sao tu đạo, cho nên “thấy” rất quan trọng. Vừa mở đầu chính là gạn hỏi bảy chỗ của tâm, ngài A-nan tìm tâm không thể được, sau cùng A-nan thấy được đạo bèn muốn tu đạo. Khi tu đạo đã thành 25 vị đại thánh có mặt lúc đó, mỗi vị nói ra quá trình tu trì của chính mình. Sau khi nói xong thì nhờ Văn-thù Bồ-tát căn cứ vào tình hình của chúng sanh thế giới Ta-bà và thời tiết nhân duyên, để nhận xét xem cách tu của ai tốt. Cách tu mà ngài Văn-thù chỉ ra chính là pháp môn nhĩ căn viên thông của Quán Thế Âm, “xoay lại cái nghe để nghe tự tánh, tánh trở thành Vô thượng đạo”. Dùng bôn tánh có thể nghe để quay về nghe tự tánh, như vậy bèn thành đạo Vô thượng. Cho nên đã quen dùng câu nói của ngài Quán Âm đại biểu cho Thiên tông, dùng câu nói của Bồ-tát Đại Thế Chí đại biểu cho Tịnh độ tông. Nếu muốn so sánh phương pháp nào có thể nhanh chóng Lãng-nghiêm tam-muội, hết thấy sự rốt ráo kiên cố nhất, thì xác thật là như ngài Văn-thù tổng kết: pháp môn của ngài Quán Âm là đệ nhất. Nếu muốn so sánh phương pháp nào trong một đời này có thể ra khỏi lục đạo nhanh nhất, thì phương pháp của Đại Thế Chí là đệ nhất. “Thế” chính là uy thế, hình dung cho uy thế sức mạnh trí tuệ của Bồ-tát, “Chí” nghĩa là đến. Uy thế lớn này có thể đến được khắp hết thấy nơi, nên gọi là Đại Thế Chí.

Trong kinh Thủ Lãng-nghiêm, Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với 52 vị Bồ-tát đồng luân đồng thời nói: “Dùng tâm niệm Phật nhập vô sanh nhẫn”. Chính là niệm Nam-mô A-di-đà Phật, chính là như vậy mà nhập vô sanh pháp nhẫn. Tịnh tông Học Hội xem Đại Thế Chí Bồ-tát là tổ sư đời thứ nhất, bởi vì Bồ-tát Đại Thế Chí chân chánh tu niệm Phật tam-muội, lấy niệm Phật làm pháp môn. “Không nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ”, ngoài niệm câu A-di-đà Phật này ra đều không cần đến bất kỳ phương tiện nào khác để trợ đạo, như là tác quán, tham cứu, trì thủ ấn, niệm chú v.v. đều không cần dùng. “Tâm tự khai ngộ”, tự nhiên như thế mà tâm được khai mở, chính là khai ngộ. “Nay ở thế giới này”, thế giới này chính là thế giới Ta-bà, “nhiếp người niệm Phật quay về Tịnh độ”, nhiếp thọ tất cả người niệm Phật, khiến họ quy hướng về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ngài cùng Quán Thế Âm Bồ-tát đều là hai vị trợ thủ của A-di-đà Phật.

Quán Kinh nói: Bồ-tát Đại Thế Chí “dùng quang minh trí tuệ chiếu khắp hết thảy”. “Thế” ở đây biểu hiện nơi quang minh, quang minh này là từ trí tuệ mà chiếu khắp tất cả. “Khiến tất cả lìa ba đường ác, được sức vô thượng”. Khiến tất cả chúng sanh đều ra khỏi ba đường ác thú, được lực vô thượng, có thể phân thân, có thể siêu thoát, “cho nên gọi Bồ-tát ấy là Đại Thế Chí”. Đây chính là đem trí tuệ và quang minh hợp lại với nhau.

Trong kinh Tư Ích, Bồ-tát Đại Thế Chí tự mình nói: “Chỗ nào tôi đặt chân”, nơi nào đặt chân xuống “sẽ chấn động tam thiên đại thiên thế giới và cung điện của ma”, do đó có hiệu là Đại Thế Chí. Từ đây có thể thấy được, Bồ-tát niệm Phật thành tựu có uy lực lớn đến như vậy. Và lại trong kinh điển nói: Bồ-tát Đại Thế Chí ở thế giới Cực Lạc là vĩnh viễn không nhập Niết-bàn.

Quán Kinh còn nói: Khi Bồ-tát Đại Thế Chí đi đường thì mười phương thế giới toàn bộ bị chấn động. Lúc đất rung động thì có 500 ức hoa sen báu vụt hiện ra, hoa sen ấy giống hoa sen của thế giới Cực Lạc.

Phía trước tôi đã nhắc đến việc gạn hỏi bảy chỗ của tâm, xin giải thích như sau. Gạn hỏi bảy chỗ của tâm, trong hội Lăng-nghiêm Phật gạn hỏi ngài A-nan tâm nằm ở đâu, A-nan trước sau nêu ra bảy chỗ để trả lời đều bị Phật bác bỏ, gọi là gạn hỏi bảy chỗ của tâm. Phật lần lượt gạn hỏi mãi như vậy cho đến khi không còn chỗ chấp trước, mục đích là muốn phá trừ tâm duyên theo vọng tưởng của A-nan, khiến vọng tưởng của ông không còn chỗ nào để nương vào, nhằm chỉ ra rằng tâm ấy có ở khắp mọi nơi, vì diệu thanh tịnh, chẳng ở nơi nào mà nơi nào cũng có.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!